

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 9 - 2025
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Mộng N, sinh ngày 06/5/1996; số căn cước công dân 096196004216.

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã U, tỉnh Cà Mau (địa chỉ trước sáp nhập ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Ông Tăng Hoàng T, sinh ngày 26/9/2000; số căn cước công dân 096200000563.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã N, tỉnh Cà Mau (địa chỉ trước sáp nhập ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau).

Nguyên đơn bà N có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông T vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2024 bà và ông Tăng Hoàng T tự nguyện làm đám cưới, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 29/02/2024. Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm,

tôn trọng, nhường nhịn nhau. Bà và ông T không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Hoàng T.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tăng Hoàng T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Trần Mộng N yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Hoàng T tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà N có đơn yêu cầu vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mộng N và ông Tăng Hoàng T làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Ma (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau) theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu ly hôn với ông T vì bà N xác định vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, tôn trọng, nhường nhịn nhau. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà N và ông T không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con chung: Bà Trần Mộng N xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông T không có ý kiến gì đối với việc bà N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Mộng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Mộng N. Bà Trần Mộng N được ly hôn với ông Tăng Hoàng T.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Bà Trần Mộng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Trần Mộng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012112 ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi